

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Ngày 31/12/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.1%	-	8.9%

DT thuần Q4/25
399
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0 11.1%
YoY: ▲ 160 66.9%

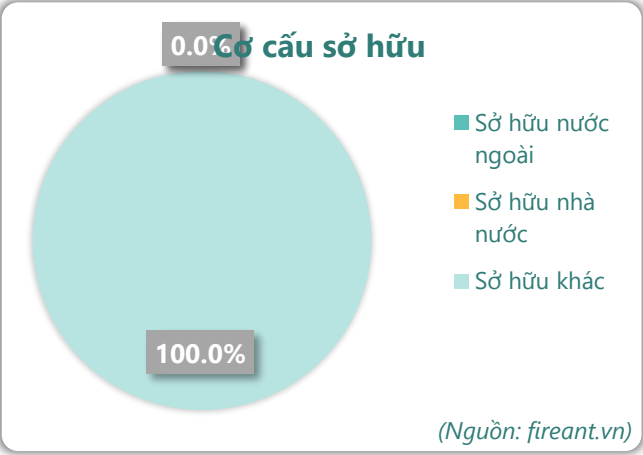
LN thuần Q4/25
3.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 4.16 -54.2%
YoY: ▼ 1.36 -27.9%

LN sau thuế Q4/25
3.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3.07 -49.0%
YoY: ▼ 1.08 -25.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1.7%
YoY: +/- ▼ 0.8%

ROE 2025
10.4%
YoY: +/- ▲ 0.9%

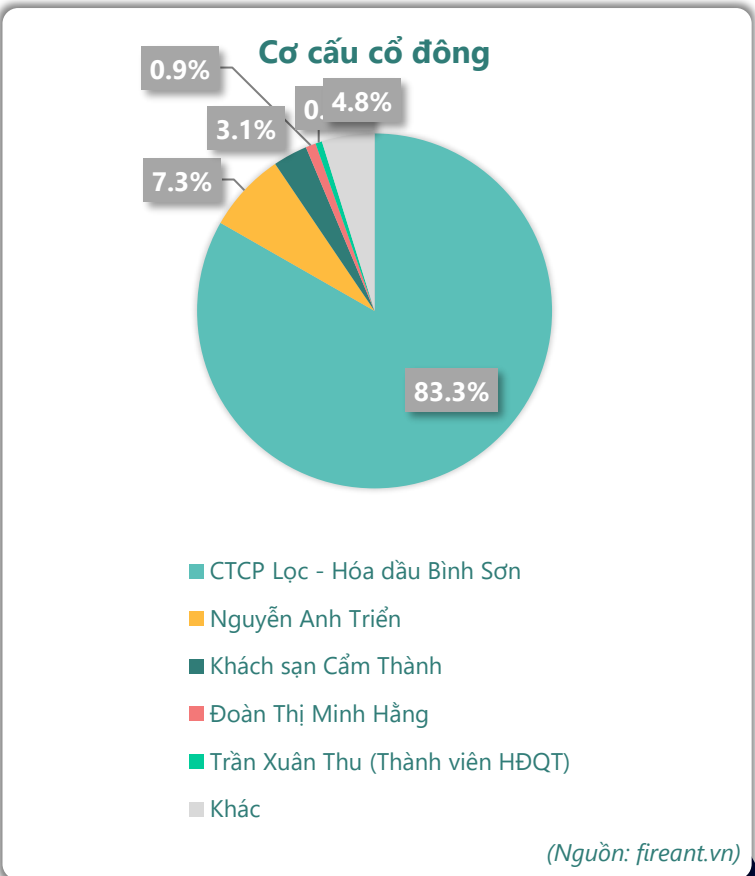
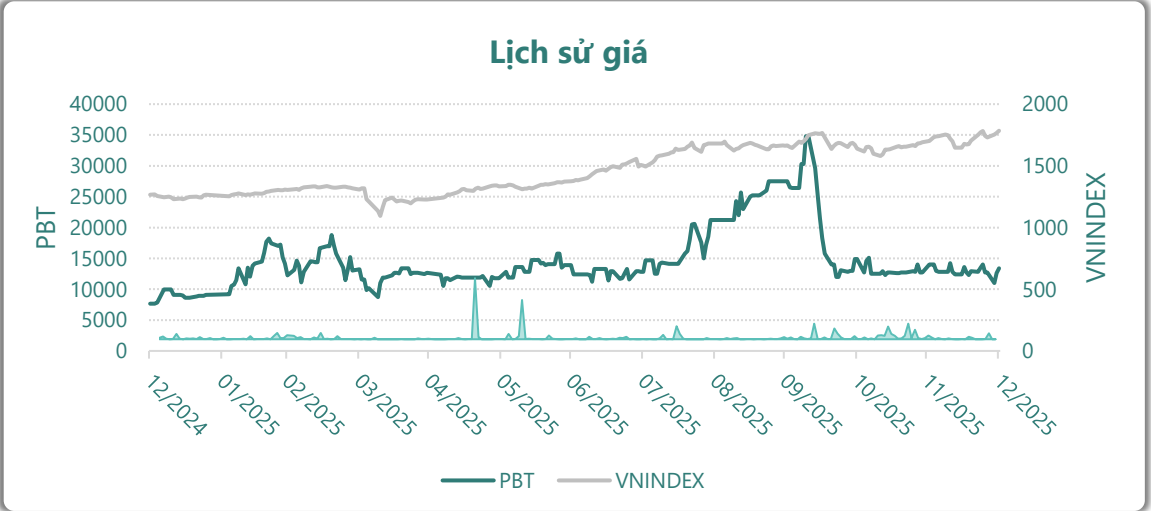
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,661 - 34,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
Số lượng CPLH (CP)	17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	790
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.45
EPS	1,138
P/E	11.8



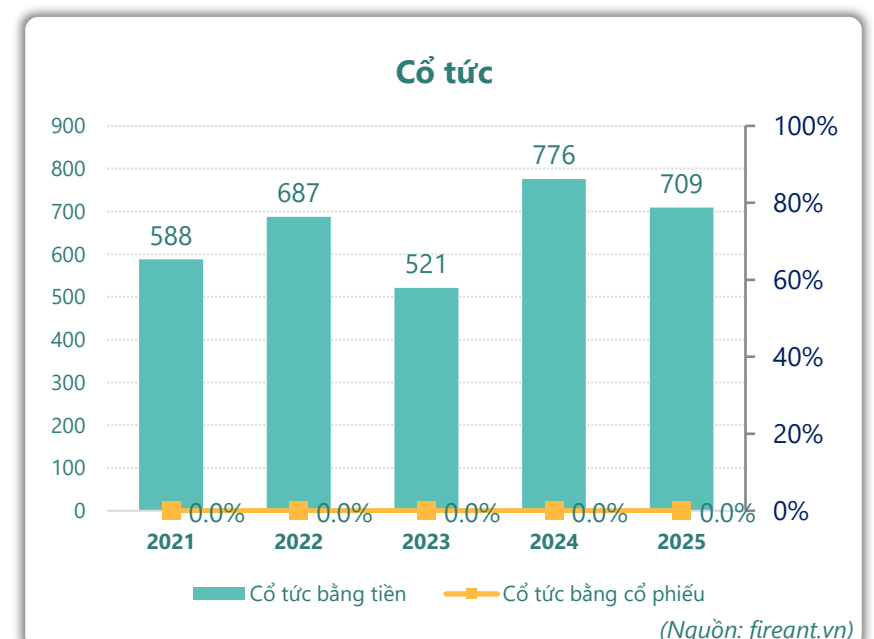
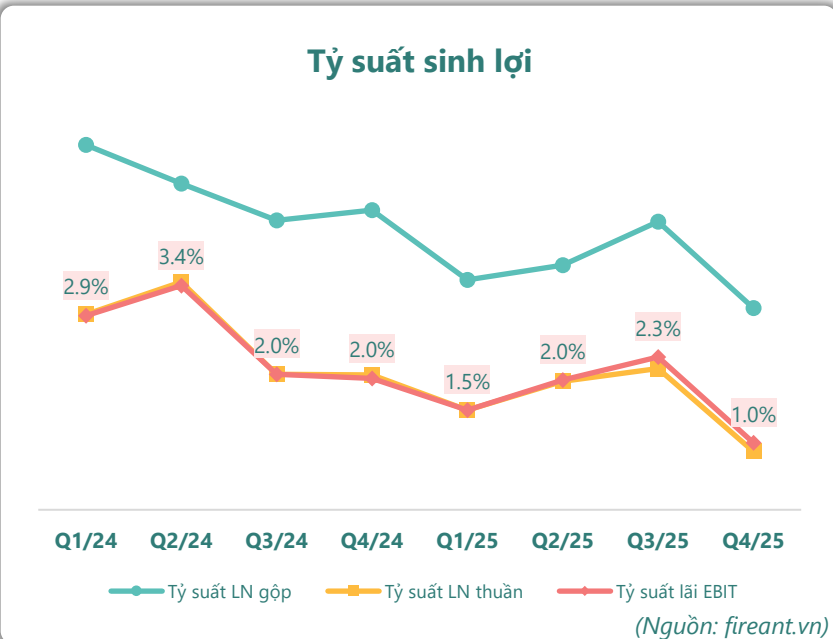
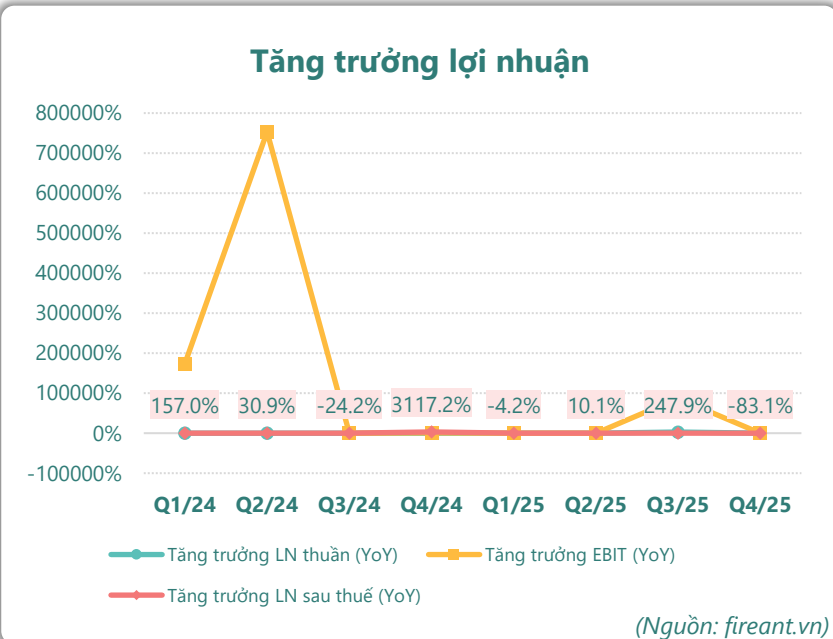
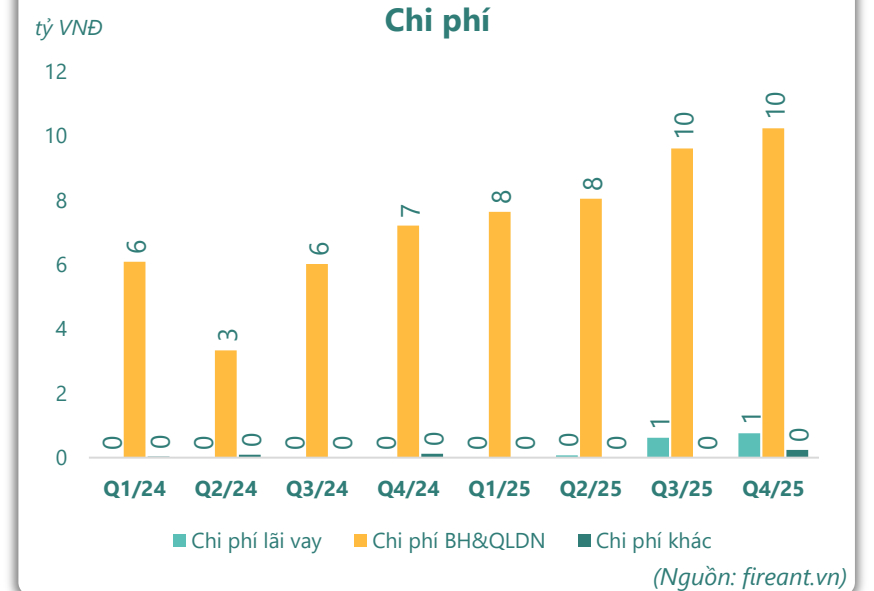
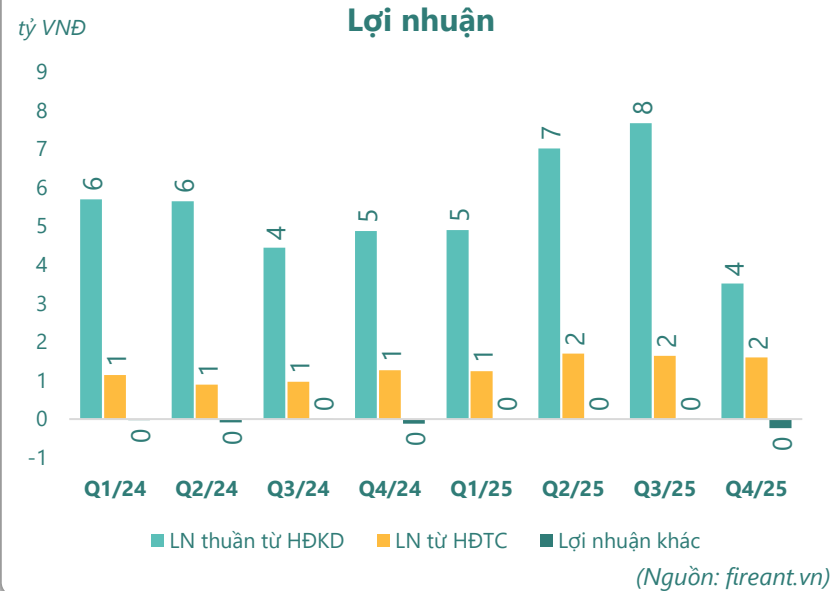
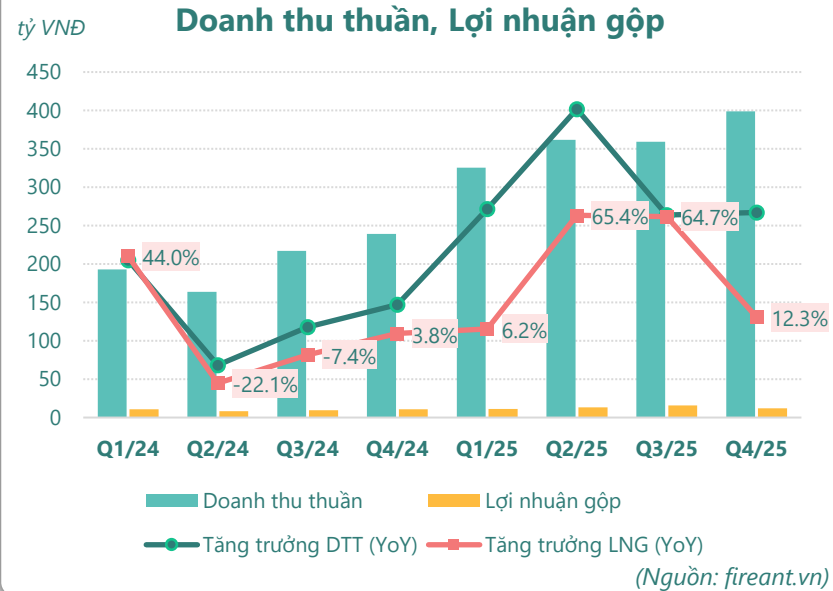
DT thuần 2025
1,445
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 632 77.8%

LN thuần 2025
23.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.40 11.8%

LN sau thuế 2025
19.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70 9.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



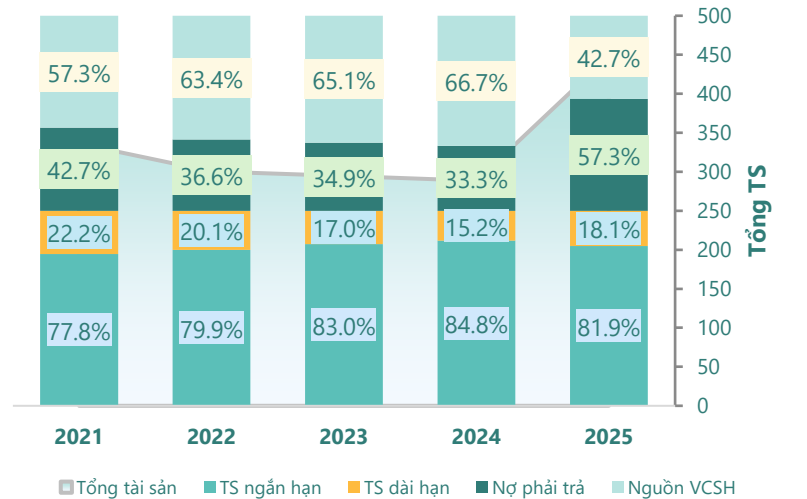


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

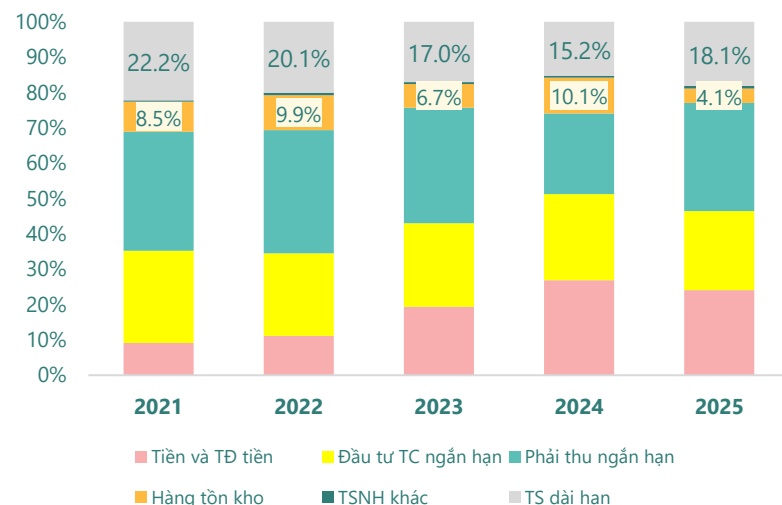
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

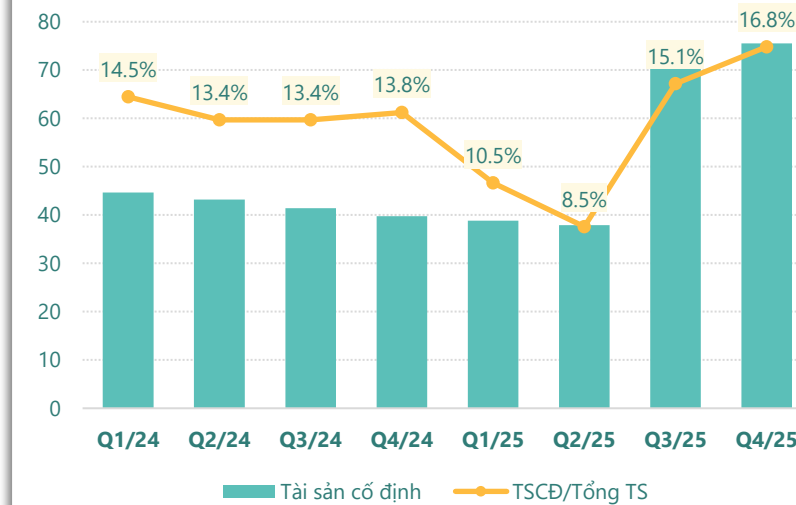
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

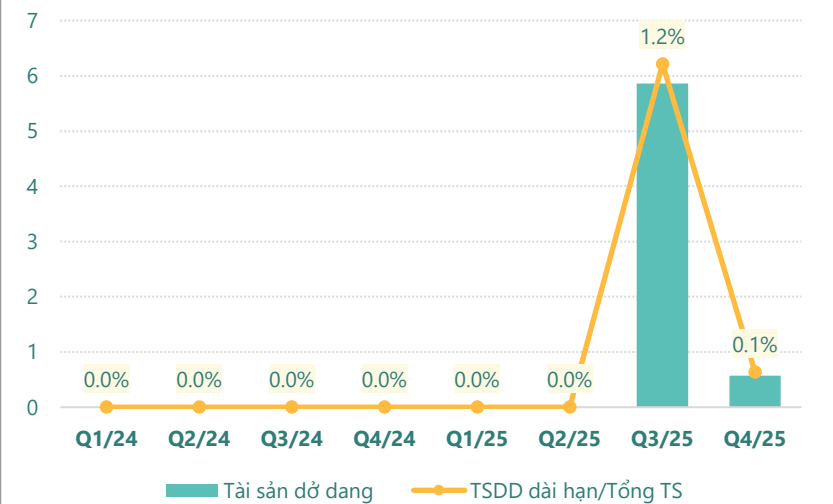
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

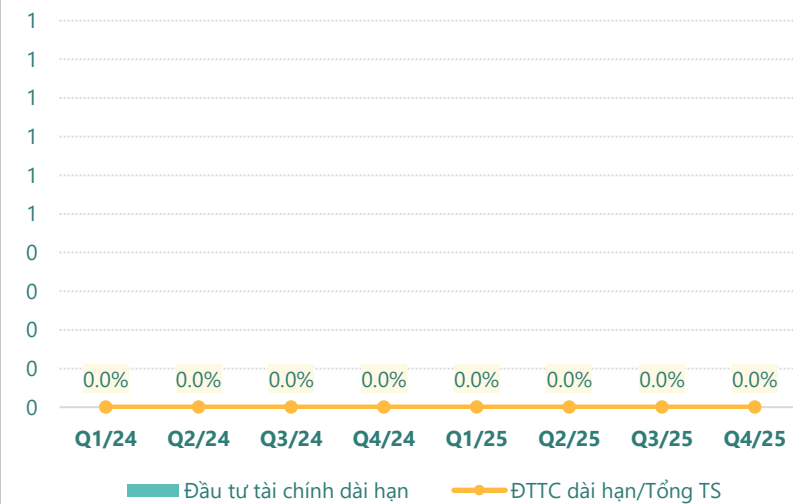
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

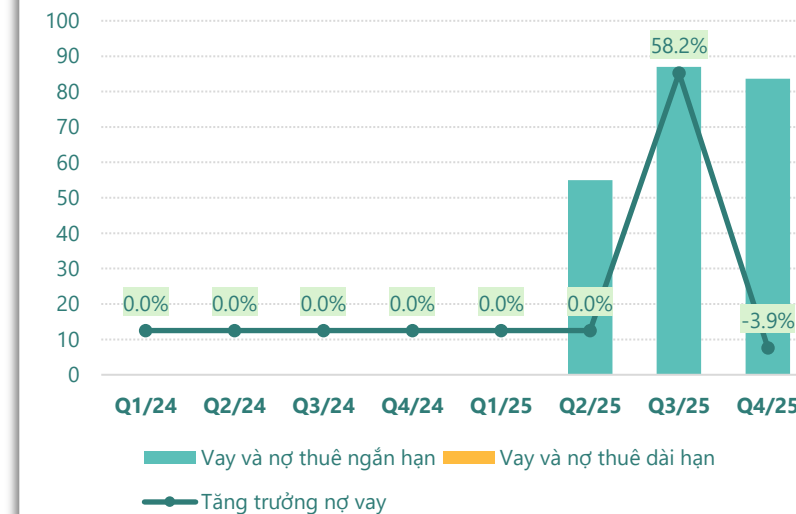
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

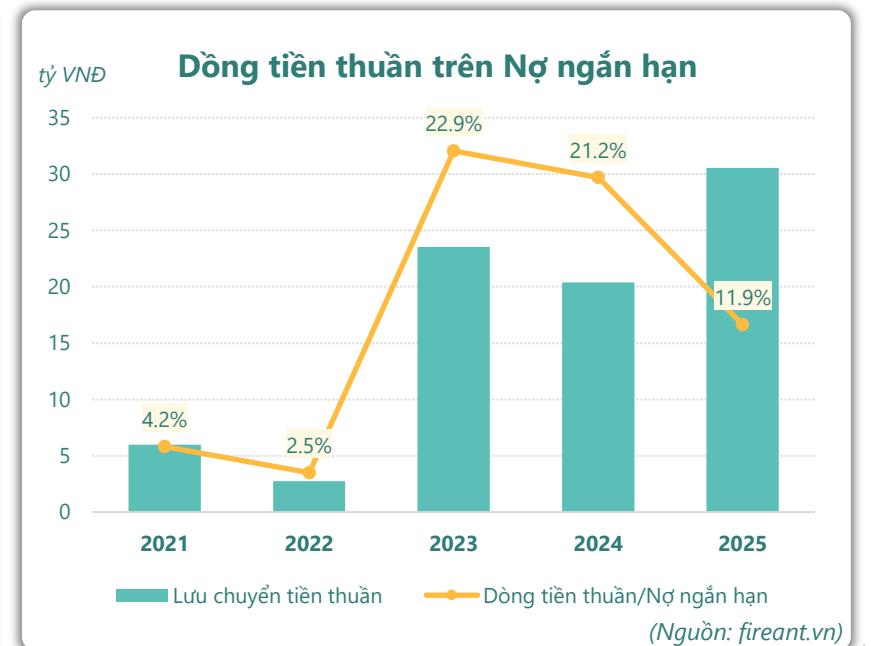
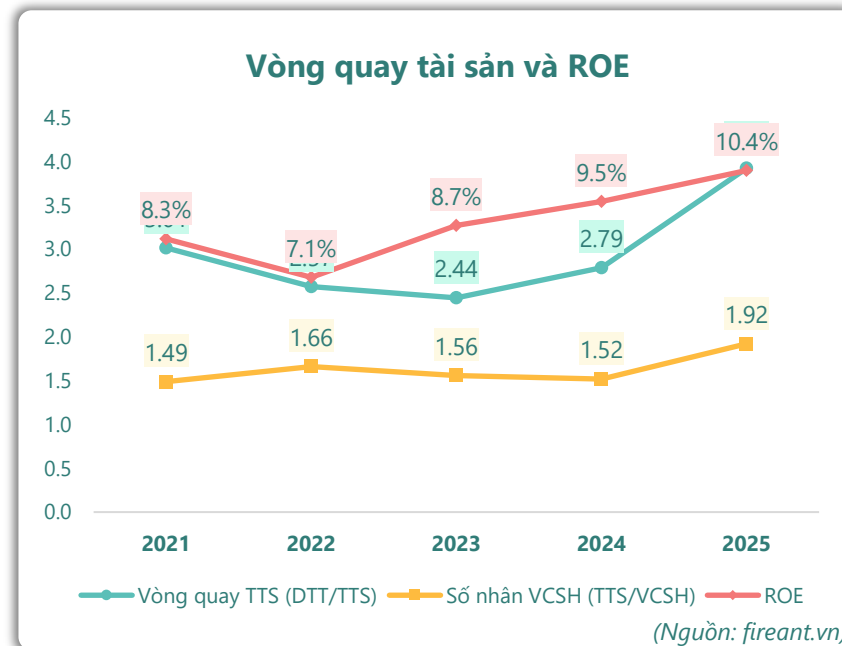
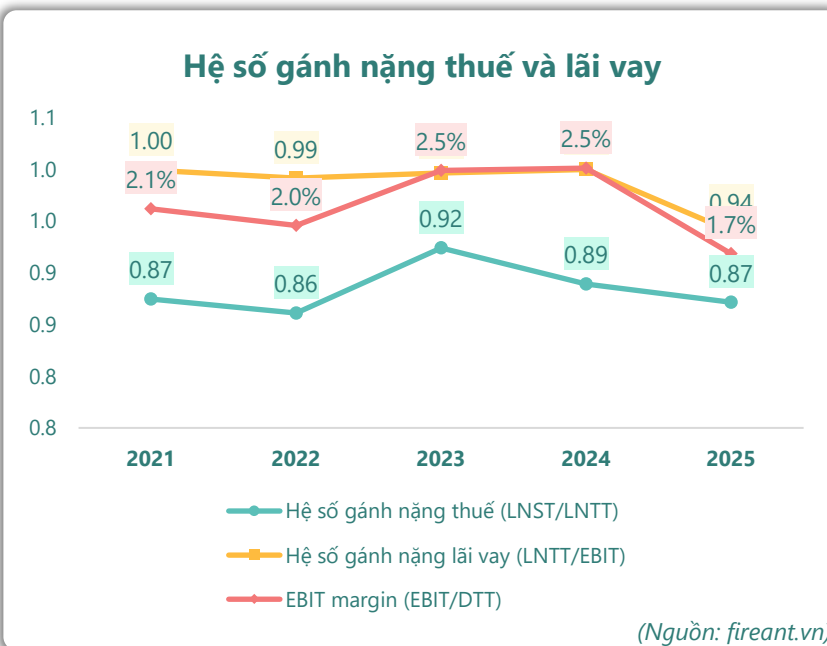
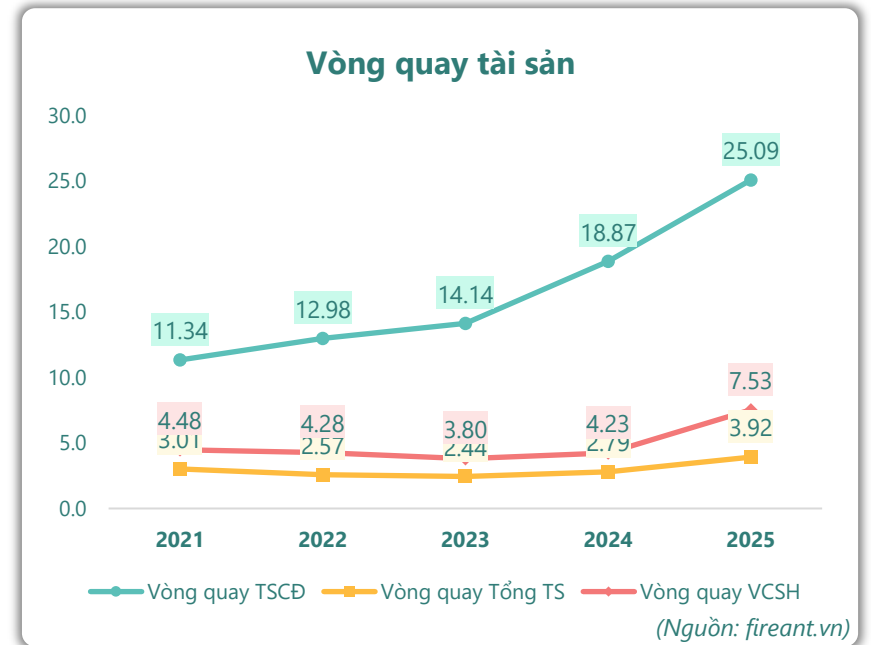
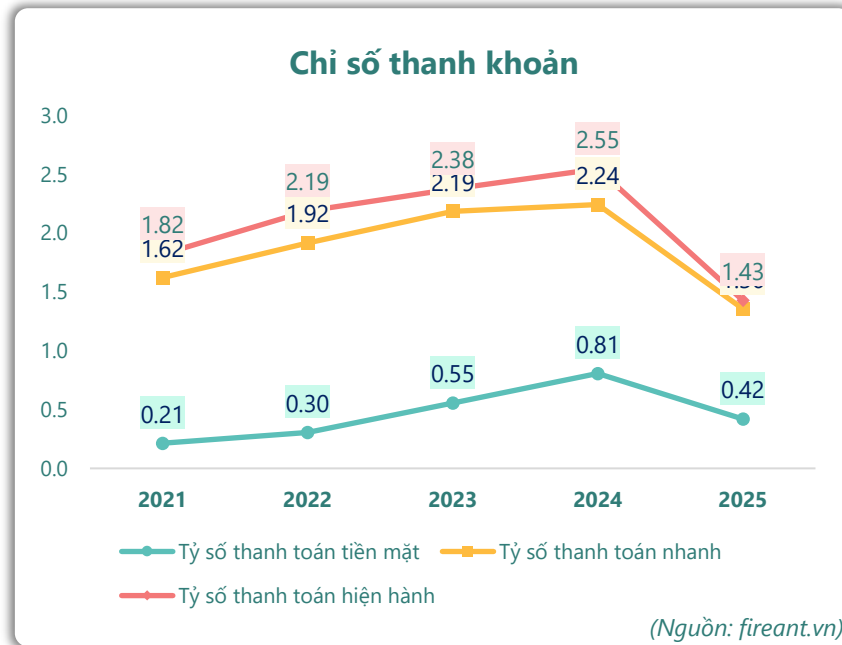
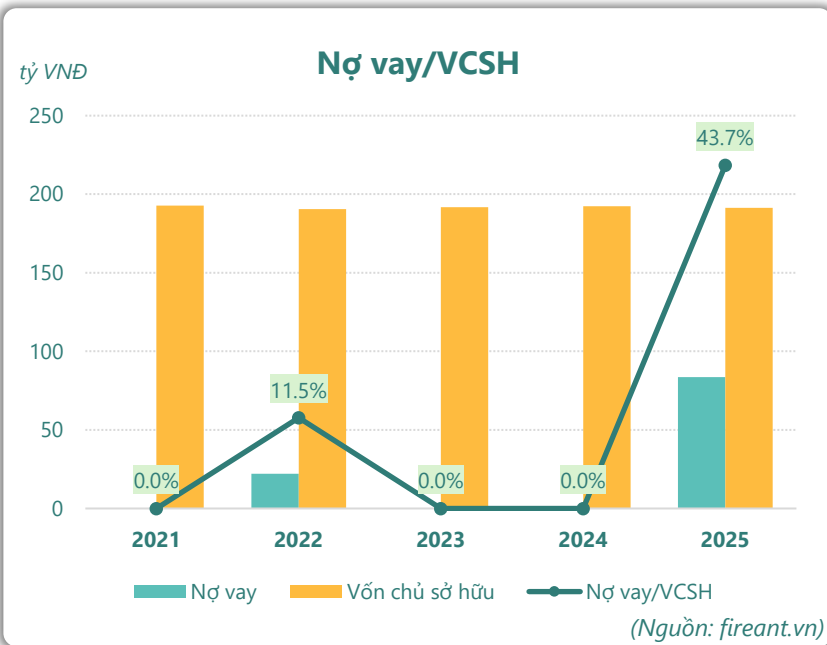
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	399	239	66.9%	1,445	813	77.8%
Giá vốn hàng bán	387	228	69.6%	1,393	774	80.0%
Lợi nhuận gộp	12.2	10.8	12.6%	52.5	39.1	34.4%
Doanh thu HĐTC	2.37	1.27	86.4%	7.65	4.29	78.3%
Chi phí TC	0.77	0.00		1.47	0.02	8602%
Chi phí lãi vay	0.76	0.00		1.46	0.00	60711%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.61	1.22	114%	6.95	4.88	42.4%
Chi phí QLDN	7.64	6.00	27.3%	28.6	17.8	60.8%
LN thuần từ HĐKD	3.51	4.87	-27.9%	23.1	20.7	11.8%
Lợi nhuận khác	-0.24	-0.12	-98.2%	-0.22	-0.24	7.5%
LN trước thuế	3.28	4.75	-31.0%	22.9	20.4	12.1%
Lợi nhuận sau thuế	3.20	4.28	-25.3%	19.9	18.2	9.8%
LNST của CĐ cty mẹ	3.20	4.28	-25.3%	19.9	18.2	9.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.7	-2.67	20.4	-8.85	5.78	8.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.61	0.74	2.26	-0.19	-53.2	-15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.6	0	0	55.0	19.6	-3.40
Tiền đầu kỳ	46.7	79.4	77.5	100	146	118
Lưu chuyển tiền thuần	32.7	-1.93	22.7	46.0	-27.9	-10.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0.01	0.00	0.12	0
Tiền cuối kỳ	79.4	77.5	100	146	118	108

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	448	289	55.4%
Tài sản ngắn hạn	367	245	50.1%
Tiền và tương đương tiền	108	77.5	39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	70.3	42.7%
Phải thu ngắn hạn	137	66.0	108%
Hàng tồn kho	18.3	29.2	-37.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.25	1.71	90.3%
Tài sản dài hạn	81.3	43.9	85.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	75.5	39.7	89.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.57	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.25	4.19	25.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	257	96.1	168%
Nợ ngắn hạn	257	96.0	168%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	83.6	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	153	84.7	80.0%
Nợ dài hạn	0	0.07	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	192	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	191	192	-0.6%
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

